**PHIẾU KHẢO SÁT**

**Mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với việc cung cấp dịch vụ công, thực thi công vụ của công chức Ban Quản lý các khu công nghiệp**

*(Kèm theo công văn số /BQLKCN-NVTH ngày tháng 10 năm 2022*

*của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Đắk Nông)*

| **Tiêu chí khảo sát** | **Mức độ hài lòng** |
| --- | --- |
| ***I. Công chức*** | |
| 1. Nghiệp vụ của công chức khi tiếp xúc, hướng dẫn thủ tục hành chính và các yêu cầu có liên quan | Nắm vững nghiệp vụ  Bình Thường  Giải quyết công việc còn lúng túng  Ý kiến khác:……………………………………  ……………………………………………………  …………………………………………………… |
| 2. Tinh thần trách nhiệm của công chức khi thực thi nhiệm vụ, hướng dẫn giải quyết công việc. | Tinh thần trách nhiệm cao  Bình thường  Thiếu trách nhiệm, còn đùn đẩy trách nhiệm  Ý kiến khác:……………………………………  ……………………………………………………  …………………………………………………… |
| 3. Thái độ công chức khi tiếp xúc với Tổ chức/ cá nhân đến liên hệ giải quyết công việc. | Vui vẻ, hòa nhã  Bình thường  Thiếu thiện cảm, khó chịu  Ý kiến khác:……………………………………  ……………………………………………………  …………………………………………………… |
| 4. Việc hướng dẫn của công chức | Tận tình, đầy đủ, chu đáo  Chưa đầy đủ  Không hướng dẫn khi liên hệ công việc  Ý kiến khác:……………………………………  ……………………………………………………  …………………………………………………… |
| 5. Đeo thẻ công chức trong thực thi công vụ | Có  Không |
| ***II. Công khai*** | |
| 1. Quý cơ quan, đơn vị biết quy trình, thủ tục hành chính của Ban qua hình thức nào. | Bản niêm yết  Trang thông tin điện tử Ban Quản lý các khu công nghiệp  Hình thức khác  Không biết |
| 2. Việc công khai thủ tục hành chính trên Trang thông tin điện tử của Ban Quản lý các khu công nghiệp và Dịch vụ hành chính công tỉnh. | Đầy đủ, rõ ràng, dễ hiểu, đúng quy định  Công khai nhưng không đầy đủ nội dung  Không công khai hoặc nội dung công khai đã lạc hậu  Ý kiến khác:………………………………………  …………………………………………………… |
| 3. Thủ tục hồ sơ theo quy định hiện hành | Đơn giản, dễ thực hiện  Rườm rà, cần cải tiến thêm  Nêu rõ nội dung cần cải tiến: ……………………  …………………………………………………… |
| ***III. Về thời gian giải quyết công việc*** | |
| 1. Thời gian trả kết quả, giải quyết hồ sơ so với thời gian hẹn | Trước hẹn  Đúng hẹn  Trễ hẹn, ghi rõ hồ sơ thuộc lĩnh vực: …………  …………………………………………………… |
| 2. Thời gian quy định giải quyết hồ sơ theo thủ tục hiện hành | Hợp lý  Chấp nhận được  Quá lâu, ghi rõ tên TTHC thuộc lĩnh vực: ……  ……………………………………………………. |
| 3. Thời gian chờ để giải quyết hồ sơ | Rất nhanh, gọn  Chấp nhận được  Chờ đợi rất lâu do đông người  Chờ đợi rất lâu do công chức xử lý chậm.  Ghi rõ tên đơn vị (công chức): …………………  ………………………………………………….. |
| 4. Số lần đi lại để liên hệ giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, công dân từ khi nộp hồ sơ đến khi nhận kết quả (kể cả các quy trình theo dịch vụ Bưu chính công ích) | 1 lần  2 lần, lý do …………………………  3 lần, lý do ………………………… |
| ***IV. Về cơ chế giám sát, góp ý*** | |
| 1. Các điều kiện để phản ánh, kiến nghị | Có  Có nhưng chưa đầy đủ  Không có |
| 2. Việc tiếp thu ý kiến phản ánh, kiến nghị, góp ý những lần trước | Có tiếp thu và cải thiện  Có tiếp thu nhưng cải thiện chưa tốt  Không tiếp thu |
| ***V. Mức độ hài lòng của cơ quan, tổ chức, công dân đối với việc thực hiện TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các khu công nghiệp*** | |
| Rất Hài lòng  Hài lòng;  Chưa hài lòng | |
| ***IX. Ý kiến khác*** | |
| …………………………………………………………………………………………  ………………………………………………………………………………………… | |

*Chân thành cảm ơn quý cơ quan, tổ chức, cá nhân đã tham gia đánh giá, góp ý!*